

**BẢN SAO  
COPY**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

*Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014*

**CÔNG TY CỔ PHẦN HAPROSIMEX THẮNG LONG**

# MỤC LỤC

--- oOo ---

---

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01 - 02
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05 - 06
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	07
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	08
6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	09 - 24

---

# CÔNG TY CỔ PHẦN HAPROSIMEX THĂNG LONG

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Haprosimex Thăng Long (sau đây được viết tắt là "Công ty") trân trọng đề trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

### 1. Thông tin chung về Công ty

#### Thành lập

Công ty Cổ phần Haprosimex Thăng Long (tiền thân là Công ty Dệt kim Thăng Long) được thành lập theo Quyết định số 2915/QĐ/UB ngày 26/12/2008 của UBND Thành phố Hà Nội, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0100101241 đăng ký lần đầu ngày 09/01/2009, thay đổi lần thứ 02 ngày 05/5/2014.

Tên viết tắt là: KNITEXIM.,JSC

Hình thức sở hữu vốn: Cổ phần.

**Hoạt động chính của Công ty:** Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 là gia công tẩy nhuộm.

**Trụ sở chính:** Km 12, đường 32, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

### 2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động

Số liệu về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2014; kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính 2014 của Công ty được thể hiện cụ thể tại Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính, được trình bày từ trang 05 đến trang 24 kèm theo.

### 3. Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc trong năm 2014 và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Cự Tầm	Chủ tịch	Đại diện 59,19% vốn điều lệ
Ông Phạm Quang Ngọc	Thành viên	Đại diện 10,00% vốn điều lệ
Ông Nguyễn Văn Dần	Thành viên	Đại diện 10,00% vốn điều lệ

#### Ban Giám đốc

Ông Phạm Quang Ngọc	Giám đốc - Người đại diện theo pháp luật
Ông Nguyễn Anh Phong	Phó Giám đốc

### 5. Kiểm toán độc lập

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học Tp. Hồ Chí Minh (AISC) được chỉ định là kiểm toán viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

### 6. Cam kết của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2014, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

**CÔNG TY CỔ PHẦN HAPROSIMEX THĂNG LONG**  
**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

*Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014*

**6. Cam kết của Ban Giám đốc (tiếp theo)**

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các số kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

**7. Xác nhận**

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, chúng tôi xác nhận rằng Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với Chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

*Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2015*



**Phạm Quang Ngọc**



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM**  
**Auditing & Informatic Services Company Limited**

**Office:** 389A Điện Biên Phủ, Phường 4, Quận 3, TP.Hồ Chí Minh  
**Tel:** (84.8) 3832 8964 (10 Lines) **Fax:** (84.8) 3834 2957  
**Email:** info@aisc.com.vn **Website:** www.aisc.com.vn



Số: 150403-2014/BCKT-AISHN

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN HAPROSIMEX THĂNG LONG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Haprosimex Thăng Long (sau đây được viết tắt là "Công ty"), được lập ngày 28/02/2015, từ trang 05 đến trang 24, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập, trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập, trình bày Báo cáo tài chính; chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### **Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Chúng tôi không thể tham gia chứng kiến kiểm kê hàng tồn kho của Công ty tại ngày 31/12/2014. Với những tài liệu hiện có và bằng các thủ tục kiểm toán thay thế khác, chúng tôi cũng không thể khẳng định được tính hiện hữu của chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính.

Branch in Hà Nội : C2 Room, 24 Floor - E9 Lot, VIMECO Building, Phạm Hưng St, Cầu Giấy Dist, Hà Nội

Branch in Đà Nẵng : 36 Hà Huy Tập St, Thanh Khê Dist, Đà Nẵng  
Representative in Cần Thơ : 5Đ, 30/4 St. - Ninh Kiều Dist - Cần Thơ City

Representative in Hải Phòng : 18 Hoàng Văn Thụ St, Hồng Bàng Dist, Hải Phòng

Tel : (04) 3782 0045/46 /47 Fax : (04) 3782 0048

Tel : (0511) 371 5619 Fax : (0511) 371 5620

Tel : (0710) 3813 004 Fax : (0710) 3828 765

Tel : (031) 3569 577 Fax : (031) 3569 576

Email: aishn@hn.vnn.vn

Email: aiscct@dn.vnn.vn

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (tiếp theo)

Theo thuyết minh V.3, Công ty đang có khoản phải thu khác đối với ông Vũ Tuấn Dũng số tiền **515.758.333 đồng**. Khoản phải thu này đã phát sinh từ ngày 27/4/2012 và đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán, khoản công nợ này vẫn chưa thu hồi được. Ngoài ra, Công ty chưa trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản công nợ tồn đọng lâu ngày, tổng giá trị dự phòng phải thu khó đòi cần trích lập tại thời điểm 31/12/2014 (bao gồm cả khoản dự phòng phải thu khó đòi đối với ông Vũ Tuấn Dũng) là **367.022.268 đồng**.

Theo Quyết định số 2088/QĐ-CTUB ngày 30/12/2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hoàn Kiếm về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ di chuyển Công ty Dệt kim Thăng Long để giải phóng mặt bằng cơ sở sản xuất tại 44 - 46 Hàng Quạt thực hiện dự án đầu tư xây dựng trường học theo quy hoạch, tổng giá trị các khoản bồi thường, hỗ trợ di chuyển là **26.714.174.244 đồng**. Cho đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán, dự án này vẫn chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán toàn bộ. Số tiền còn lại là **10.727.211.764 đồng** vẫn tiếp tục thực hiện chi cho di dời và giải phóng mặt bằng.

Trong năm 2014, Công ty đang ghi nhận khoản thu nhập từ cho thuê cửa hàng tại số 52 Hàng Quạt số tiền **163.636.364 đồng**. Tuy nhiên, theo Quyết định số 2936/QĐ-UBND ngày 26/6/2006 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa Công ty Dệt Kim Thăng Long (nay là Công ty Cổ phần Haprosimex Thăng Long) thì Khu nhà số 52 Hàng Quạt phải bàn giao cho Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét báo cáo UBND thành phố Hà Nội xử lý. Do cửa hàng tại số 52 Hàng Quạt không còn thuộc quyền sở hữu của Công ty nên khoản thu nhập này có thể sẽ bị thu hồi về Ngân sách Nhà nước.

Công ty chưa được cấp phép xả thải và chưa xây dựng được hệ thống xử lý nước thải do chưa giải phóng được mặt bằng, việc xả thải được thực hiện trực tiếp vào hệ thống nước thải của cụm công nghiệp Từ Liêm chưa qua xử lý. Điều này dẫn tới việc tổ chức sản xuất bị gián đoạn, máy móc thiết bị sản xuất với công suất thấp.

Công ty chưa ghi tăng Tài sản cố định hữu hình "Phòng kinh doanh tổng hợp" đã được hoàn thành, bàn giao trong năm 2014 với nguyên giá tạm tính theo tổng giá trị các quyết toán A-B là **2.439.830.920 đồng**. Công ty cũng chưa ghi nhận phần thuế GTGT đầu vào tương ứng với giá trị chưa được xuất hóa đơn là **27.845.098 đồng** và công nợ phải trả nhà thầu số tiền **306.296.072 đồng**.

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Haprosimex Thăng Long tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Quyền số: 10.21.01. SCT/BS

Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2015

**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN  
& DỊCH VỤ TIN HỌC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**Phó Giám đốc**



**Vũ Khắc Chuyền**

Số CNĐKHNKT: 0160-2013-05-1

Bộ Tài chính Việt nam cấp

**Kiểm toán viên**



**Vũ Khánh Linh**

Số CNĐKHNKT: 2355-2013-05-1

Bộ Tài chính Việt Nam cấp

**CÔNG CHỨNG VIỆN  
NGUYỄN ANH SƠN**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 đ	01/01/2014 đ
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>21.505.951.670</b>	<b>21.035.258.381</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>302.769.961</b>	<b>391.117.755</b>
1. Tiền	111	V.1	302.769.961	391.117.755
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>20.374.773.898</b>	<b>19.791.772.596</b>
1. Phải thu khách hàng	131		2.843.030.749	2.647.299.327
2. Trả trước cho người bán	132		205.199.412	633.929.532
5. Các khoản phải thu khác	135	V.3	17.633.133.122	16.817.133.122
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(306.589.385)	(306.589.385)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>749.246.511</b>	<b>768.027.166</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.4	749.246.511	768.027.166
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>79.161.300</b>	<b>84.340.864</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		0	5.179.564
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.5	63.161.300	63.161.300
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		16.000.000	16.000.000
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>34.056.036.706</b>	<b>36.345.574.709</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>33.978.522.894</b>	<b>36.287.995.380</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	31.719.743.676	35.005.334.362
<i>Nguyên giá</i>	222		60.001.720.840	59.964.195.358
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(28.281.977.164)	(24.958.860.996)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	2.258.779.218	1.282.661.018
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>77.513.812</b>	<b>57.579.329</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		77.513.812	57.579.329
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>55.561.988.376</b>	<b>57.380.833.090</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 đ	01/01/2014 đ
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>46.146.623.069</b>	<b>46.796.634.575</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>19.838.008.797</b>	<b>19.288.020.304</b>
2. Phải trả người bán	312		1.027.192.290	1.833.033.765
3. Người mua trả tiền trước	313		3.825.040	3.825.040
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	102.282.736	88.891.640
6. Chi phí phải trả	316	V.17	103.366.219	88.283.919
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	18.557.342.512	17.229.985.940
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		44.000.000	44.000.000
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>26.308.614.272</b>	<b>27.508.614.271</b>
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	26.185.887.000	27.385.887.000
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		122.727.272	122.727.271
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>9.415.365.307</b>	<b>10.584.198.515</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.22</b>	<b>9.415.365.307</b>	<b>10.584.198.515</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		24.049.260.000	24.049.260.000
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		(14.633.894.693)	(13.465.061.485)
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>55.561.988.376</b>	<b>57.380.833.090</b>

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2015

Người lập biểu

Phụ trách kế toán



Kim Thị Huyền Trang



Phạm Quang Ngọc



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

TT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Thuyết minh	Năm 2014 đ	Năm 2013 đ
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	3.900.707.502	5.067.363.283
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
<b>3.</b>	<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>3.900.707.502</b>	<b>5.067.363.283</b>
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.28	5.903.723.282	7.362.951.883
<b>5.</b>	<b>Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>(2.003.015.780)</b>	<b>(2.295.588.600)</b>
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	817.064.958	828.686.886
7.	Chi phí hoạt động tài chính	22	VI.30	1.319.987.493	1.288.939.267
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.319.987.493	1.288.938.770
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.592.593.916	1.613.269.238
<b>10.</b>	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>(4.098.532.231)</b>	<b>(4.369.110.219)</b>
11.	Thu nhập khác	31	VIII.7.1	3.395.781.334	3.584.076.201
12.	Chi phí khác	32	VIII.7.2	466.082.311	648.424.907
<b>13.</b>	<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>2.929.699.023</b>	<b>2.935.651.294</b>
<b>14.</b>	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>(1.168.833.208)</b>	<b>(1.433.458.925)</b>
15.	Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	VI.31	0	0
<b>17.</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>(1.168.833.208)</b>	<b>(1.433.458.925)</b>

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2015

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

*Beang*



Kim Thị Huyền Trang

Phạm Quang Ngọc

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2014 đ	Năm 2013 đ
<b>I. Lưu chuyển từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	7.317.175.272	8.591.490.152
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(2.967.766.423)	(3.881.575.578)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(1.710.437.076)	(1.847.979.085)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	182.028.229	160.186.771
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(830.812.754)	(651.999.795)
<b>Lưu chuyển tiền tệ thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>1.990.187.248</b>	<b>2.370.122.465</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	(879.600.000)	(2.453.853.958)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	0	90.909.091
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.064.958	12.686.886
<b>Lưu chuyển tiền tệ thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(878.535.042)</b>	<b>(2.350.257.981)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.200.000.000)	(600.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền tệ thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(1.200.000.000)</b>	<b>(600.000.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(88.347.794)</b>	<b>(580.135.516)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	391.117.755	971.253.271
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	0	0
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>302.769.961</b>	<b>391.117.755</b>

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2015

Người lập biểu

Phụ trách kế toán



Kim Thị Huyền Trang



Phạm Quang Ngọc

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***I- ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1. Thành lập**

Công ty Cổ phần Haprosimex Thăng Long (tiền thân là Công ty Dệt kim Thăng Long) được thành lập theo Quyết định số 2915/QĐ/UB ngày 26/12/2008 của UBND Thành phố Hà Nội, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0100101241 đăng ký lần đầu ngày 09/01/2009, thay đổi lần thứ 02 ngày 05/5/2014.

Tên viết tắt là: KNITEXIM.,JSC

Trụ sở của Công ty: Km 12, đường 32, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31/12/2014 là **24.049.260.000** đồng (*Hai mươi bốn tỷ, không trăm bốn mươi chín triệu, hai trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn./.*).

Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại ngày 31/12/2014 là **24.049.260.000** đồng (*Hai mươi bốn tỷ, không trăm bốn mươi chín triệu, hai trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn./.*). Cơ cấu vốn như sau:

Đối tượng	Tại 31/12/2014	
	Số tiền (Đồng)	Tỉ lệ (%)
Vốn đầu tư của Nhà nước	19.045.260.000	79,19%
Vốn của đối tượng khác	5.004.000.000	20,81%
<b>Tổng</b>	<b>24.049.260.000</b>	<b>100,00%</b>

**2. Hình thức sở hữu vốn: Cổ phần.****3. Hoạt động chính của Công ty**

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 là gia công tẩy nhuộm.

**5. Tổng số nhân viên tại ngày 31/12/2014: 28 nhân viên (tại ngày 31/12/2013: 30 nhân viên).****II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****1. Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng để ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (đ).

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty thực hiện công tác kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

**3. Hình thức kế toán áp dụng**

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chứng từ.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh**

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập các báo cáo tài chính cho năm hiện hành được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

**2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán**

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ bằng các đơn vị tiền tệ khác với Đồng Việt Nam (đ) được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ kinh tế tại thời điểm phát sinh, chênh lệch tỷ giá được tính vào thu nhập hoặc chi phí tài chính và được phản ánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh trong kỳ.

Tại thời điểm 31/12/2014, Công ty không nắm giữ bất kỳ khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ nào.

**3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu: Theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán.

Nguyên tắc lập dự phòng phải thu khó đòi: Theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”; Thông tư 34/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi Thông tư 228/2009/TT-BTC.

**4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho (tiếp theo)**

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Theo giá bình quân gia quyền.

Hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Nguyên tắc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”; Thông tư 34/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi Thông tư 228/2009/TT-BTC.

**5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định: Theo nguyên tắc giá gốc.

Phương pháp khấu hao tài sản cố định: Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, tỷ lệ khấu hao phù hợp với Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ban hành kèm theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về việc “*Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và khấu hao tài sản cố định*”.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí về đầu tư xây dựng cơ bản (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc.

**9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 16 - *Chi phí đi vay*.

**10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác**

Chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh bao gồm các khoản chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng, chi phí sửa chữa tài sản có giá trị lớn cần phân bổ.

Phương pháp phân bổ: Phân bổ theo phương pháp đường thẳng.

**11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Chi phí phải trả: Được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hoá, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ gồm những chi phí sau: lãi vay phải trả, các chi phí phải trả khác.

**13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng: Tuân thủ 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại chuẩn mực kế toán số 14 - *Doanh thu và thu nhập khác*, doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính: Tuân thủ 2 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại chuẩn mực kế toán số 14 - *Doanh thu và thu nhập khác*.

**16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí lãi tiền vay được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**18. Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu*****Tài sản tài chính***

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các Báo cáo tài chính thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

***Nợ phải trả tài chính***

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009, cho mục đích thuyết minh trong các Báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***18. Công cụ tài chính (tiếp theo)*****Nợ phải trả tài chính (tiếp theo)***

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản nợ và vay, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác.

**Giá trị sau ghi nhận lần đầu**

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tình hình tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

**19. Các bên liên quan**

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Giám đốc, Hội đồng quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

**20. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**

Thuế GTGT: Công ty thực hiện hạch toán và kê khai thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

Các loại thuế, phí khác thực hiện theo quy định về thuế, phí hiện hành của Nhà nước.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2014	01/01/2014
	đ	đ
Tiền mặt	55.919.190	58.842.605
Tiền gửi ngân hàng	246.850.771	332.275.150
Ngân hàng TMCP Quân đội - PGD Đông Đô	246.850.771	332.275.150
<b>Cộng</b>	<b>302.769.961</b>	<b>391.117.755</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2014	01/01/2014
	đ	đ
Phải thu Ban quản lý dự án Quận Hoàn Kiếm	2.254.453.629	2.254.453.629
<i>Hỗ trợ lương ngừng việc</i>	875.653.800	875.653.800
<i>Hỗ trợ các khoản trích theo lương</i>	237.541.745	237.541.745
<i>Hỗ trợ tiền thuê địa điểm</i>	761.753.322	761.753.322
<i>Hỗ trợ tiền di chuyển</i>	379.504.762	379.504.762
Phải thu Công ty TNHH MTV Haprosimex	13.755.619.728	12.939.619.728
Chi phí cổ phần hoá không được duyệt	42.947.273	42.947.273
Tạm ứng giải phóng mặt bằng	3.900.000	3.900.000
Phải thu của người lao động và tập thể, cá nhân khác (*)	1.053.719.685	1.053.719.685
<i>Các khoản hỗ trợ lương ngừng việc</i>	514.161.550	514.161.550
<i>Các khoản trích theo lương</i>	139.558.135	139.558.135
<i>Tiền thưởng tiến độ di chuyển</i>	400.000.000	400.000.000
Ông Vũ Tuấn Dũng (**)	515.758.333	515.758.333
Phải thu về cho vay vật tư	6.734.474	6.734.474
<b>Cộng</b>	<b>17.633.133.122</b>	<b>16.817.133.122</b>

(\*): Đây là các khoản phải thu hồi theo yêu cầu của Sở Tài chính tại Công văn số 4034/STC-TCĐN ngày 14/9/2011 của Sở Tài chính Hà Nội về việc Quyết toán thuế đến thời điểm chính thức doanh nghiệp chuyển đổi thành Công ty Cổ phần của Công ty Cổ phần Haprosimex Thăng Long.

(\*\*): Theo biên bản họp hội đồng cổ đông Công ty CP Haprosimex Thăng Long ngày 22/2/2012, tất cả cổ đông do ông Phạm Quang Ngọc - Giám đốc và ông Nguyễn Anh Phong - Phó Giám đốc đại diện, nhất trí dùng tài sản là hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 05.11.537272.TG ngày 17/11/2011 tại ngân hàng TMCP Quân đội - PGD Đông Đô làm tài sản đảm bảo cho khoản vay của ông Vũ Tuấn Dũng tại ngân hàng này với số tiền vay 500.000.000 đồng trong thời hạn 02 tháng. Theo biên bản làm việc ngày 27/4/2012 giữa ông Vũ Tuấn Dũng, Ông Nguyễn Anh Phong - đại diện Công ty CP Haprosimex Thăng Long và ông Hà Ngọc Chính - đại diện Ngân hàng TMCP Quân đội - PGD Đông Đô; ông Dũng không có khả năng thanh toán khoản vay đã đến hạn trả. Ngân hàng thực hiện giải tỏa tài sản thế chấp là hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn trên của Công ty để thực hiện nghĩa vụ trả nợ của ông Dũng. Số phải thu ông Dũng bao gồm cả khoản gốc và khoản lãi phát sinh.

**4. Hàng tồn kho**

	31/12/2014	01/01/2014
	đ	đ
Nguyên liệu, vật liệu	698.918.791	738.936.201
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	21.236.755	0
Thành phẩm	29.090.965	29.090.965
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>749.246.511</b>	<b>768.027.166</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**5. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

	31/12/2014	01/01/2014
	đ	đ
Thuế đất nộp thừa	63.161.300	63.161.300
<b>Cộng</b>	<b>63.161.300</b>	<b>63.161.300</b>

**8. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị tính: đ

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2014	15.795.007.478	43.270.693.335	866.494.545	32.000.000	59.964.195.358
Tăng do mua sắm	0	37.525.482	0	0	37.525.482
Tại ngày 31/12/2014	15.795.007.478	43.308.218.817	866.494.545	32.000.000	60.001.720.840
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2014	2.204.597.359	22.469.536.061	252.727.576	32.000.000	24.958.860.996
Khấu hao trong năm	426.627.428	2.788.176.922	108.311.818	0	3.323.116.168
Tại ngày 31/12/2014	2.631.224.787	25.257.712.983	361.039.394	32.000.000	28.281.977.164
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 01/01/2014	13.590.410.119	20.801.157.274	613.766.969	0	35.005.334.362
Tại ngày 31/12/2014	13.163.782.691	18.050.505.834	505.455.151	0	31.719.743.676

- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình tại ngày 31/12/2014 dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 28.557.353.613 đồng.

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình tại ngày 31/12/2014 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2.152.422.000 đồng.

**11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2014	01/01/2014
	đ	đ
Chi phí đầu tư cải tạo mở rộng phòng kinh doanh dịch vụ tổng hợp	2.161.379.946	1.185.261.746
Chi phí đầu tư tại số 68 Hàng Quạt	97.399.272	97.399.272
<b>Cộng</b>	<b>2.258.779.218</b>	<b>1.282.661.018</b>

**14. Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2014	01/01/2014
	đ	đ
TSCĐ không đủ tiêu chuẩn theo TT45/2013/TT-BTC	77.513.812	56.757.666
Công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	0	821.663
<b>Cộng</b>	<b>77.513.812</b>	<b>57.579.329</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN HAPROSIMEX THĂNG LONG**

Địa chỉ: Km 12 Đường 32 - Phúc Diễn - Bắc Từ Liêm - Hà Nội

Tel: 043.780 5043

Fax: 043.780 5045

Mẫu số B09- DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	31/12/2014	01/01/2014
	đ	đ
Thuế Giá trị gia tăng	102.282.736	88.891.640
<b>Cộng</b>	<b>102.282.736</b>	<b>88.891.640</b>

**17. Chi phí phải trả**

	31/12/2014	01/01/2014
	đ	đ
Tiền thuê đất	103.366.219	88.283.919
<b>Cộng</b>	<b>103.366.219</b>	<b>88.283.919</b>

**18. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác**

	31/12/2014	01/01/2014
	đ	đ
Phải trả Ban quản lý dự án Quận Hoàn Kiếm	10.727.211.764	10.727.211.764
<i>Tiền đền bù phải quyết toán với Quận Hoàn Kiếm</i>	<i>10.727.211.764</i>	<i>10.727.211.764</i>
Phải nộp Ngân sách TP. Hà Nội (tiền chuyển nhượng quyền thuê nhà số 63 Hàng Bồ cho Công ty CP Đầu tư và Phát triển Thương mại Vạn Xuân)	1.500.000.000	1.500.000.000
BHXH, BHYT, BHTN	11.169.937	2.448.885
Kinh phí công đoàn	6.508.647	7.860.620
Phải trả Công ty Dệt kim Hoàng Thị Loan tiền gia công	12.277.500	12.277.500
Phải trả Công ty May Hồ Gươm tiền gia công	124.867.381	124.867.381
Phải trả lãi vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch I	6.167.787.217	4.847.799.724
Xử lý vốn thừa	7.289	7.289
Phải trả khác	7.512.777	7.512.777
<b>Cộng</b>	<b>18.557.342.512</b>	<b>17.229.985.940</b>

**20. Vay và nợ dài hạn**

	31/12/2014	01/01/2014
	đ	đ
Vay dài hạn	26.185.887.000	27.385.887.000
<i>Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch I (*)</i>	<i>26.185.887.000</i>	<i>27.385.887.000</i>
<b>Cộng</b>	<b>26.185.887.000</b>	<b>27.385.887.000</b>

**(\*) Chi tiết khoản vay:**

Khoản vay dài hạn theo hợp đồng tín dụng số 08/2002/HĐTĐ ngày 13/11/2002 giữa Công ty Dệt kim Thăng Long (nay là Công ty Cổ phần Haprosimex Thăng Long) và Chi nhánh Quỹ hỗ trợ phát triển Hà Nội (nay là Sở Giao dịch I - Ngân hàng Phát triển Việt Nam) với tổng số gốc vay là 34.989.000.000 đồng; lãi suất đối với 50% vốn vay là 3%/năm và 50% vốn vay còn lại chịu lãi suất 5,4%/năm; Công ty sử dụng toàn bộ tài sản gắn liền với đất của dự án "Đầu tư xây dựng di chuyển, mở rộng cơ sở sản xuất vải dệt kim và may xuất khẩu" làm tài sản đảm bảo. Tại thời điểm 31/12/2013, số dư gốc vay là 26.185.887.000 đồng (trong đó số gốc vay đến hạn trả theo Phiếu đối chiếu đến hết ngày 31/12/2014 là 14.340.000.000 đồng).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**22. Nguồn vốn chủ sở hữu**

**a- Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: đ

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của CSH	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	24.049.260.000	(12.031.602.560)	12.017.657.440
Lỗ trong năm trước	0	(1.433.458.925)	(1.433.458.925)
Số dư cuối năm trước, Số dư đầu năm nay	24.049.260.000	(13.465.061.485)	10.584.198.515
Lỗ trong năm nay	0	(1.168.833.208)	(1.168.833.208)
Số dư cuối năm nay	24.049.260.000	(14.633.894.693)	9.415.365.307

**b- Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2014	01/01/2014
	đ	đ
Vốn đầu tư của Nhà nước	19.045.260.000	19.045.260.000
Vốn của người lao động	4.804.000.000	4.804.000.000
Vốn của đối tượng khác	200.000.000	200.000.000
<b>Cộng</b>	<b>24.049.260.000</b>	<b>24.049.260.000</b>

**c- Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2014	Năm 2013
	đ	đ
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	24.049.260.000	24.049.260.000
+ Vốn góp tăng trong năm	0	0
+ Vốn góp giảm trong năm	0	0
+ Vốn góp cuối năm	24.049.260.000	24.049.260.000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia	0	0

**đ- Cổ phiếu**

	31/12/2014	01/01/2014
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.404.926	2.404.926
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.404.926	2.404.926
+ Cổ phiếu phổ thông	2.404.926	2.404.926
+ Cổ phiếu ưu đãi	0	0
Số lượng cổ phiếu được mua lại	0	0
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.404.926	2.404.926
+ Cổ phiếu phổ thông	2.404.926	2.404.926
+ Cổ phiếu ưu đãi	0	0

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**25. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2014	Năm 2013
	đ	đ
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.900.707.502	5.067.363.283
<b>Cộng</b>	<b>3.900.707.502</b>	<b>5.067.363.283</b>

**28. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2014	Năm 2013
	đ	đ
Giá vốn cung cấp dịch vụ	5.903.723.282	7.362.951.883
<b>Cộng</b>	<b>5.903.723.282</b>	<b>7.362.951.883</b>

**29. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2014	Năm 2013
	đ	đ
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	817.064.958	828.686.886
<b>Cộng</b>	<b>817.064.958</b>	<b>828.686.886</b>

**30. Chi phí tài chính**

	Năm 2014	Năm 2013
	đ	đ
Chi phí lãi vay	1.319.987.493	1.288.938.770
Lỗ chênh lệch tỷ giá thực hiện	0	497
<b>Cộng</b>	<b>1.319.987.493</b>	<b>1.288.939.267</b>

**31. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2014	Năm 2013
	đ	đ
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>(1.168.833.208)</b>	<b>(1.433.458.925)</b>
<b>Các khoản điều chỉnh lợi nhuận khi tính thuế TNDN</b>	<b>16.194.938</b>	<b>226.860.853</b>
<i>Khấu hao tài sản không dùng</i>	0	200.042.200
<i>Phạt chậm nộp bảo hiểm</i>	422.938	3.531.653
<i>Chi phí không hợp lý, hợp lệ</i>	15.772.000	23.287.000
<b>Tổng thu nhập tính thuế TNDN</b>	<b>(1.152.638.270)</b>	<b>(1.206.598.072)</b>
<b>Tổng Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**33. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2014	Năm 2013
	đ	đ
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.040.148.414	3.219.245.256
Chi phí nhân công	1.900.753.995	2.157.068.570
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.149.719.584	3.118.090.516
Chi phí dịch vụ mua ngoài	258.097.235	702.885.729
Chi phí khác bằng tiền	168.834.726	18.151.917
<b>Cộng</b>	<b>7.517.553.954</b>	<b>9.215.441.988</b>

**37. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính**

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc xem xét áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

**37.1 Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán. Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 01/01/2014 và ngày 31/12/2014.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 01/01/2014 và ngày 31/12/2014.

**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

**Độ nhạy đối với lãi suất**

Độ nhạy của các khoản vay và nợ, tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***37.1 Rủi ro thị trường (tiếp theo)**

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty như sau:

	<b>Tăng/giảm điểm cơ bản</b>	<b>Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế</b>
<b>Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2014</b>		
Đồng	+100	(258.831.170)
Đồng	-100	258.831.170
<b>Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2013</b>		
Đồng	+200	(539.895.385)
Đồng	-200	539.895.385

**37.2 Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

***Phải thu khách hàng***

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chủ yếu giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

***Tiền gửi ngân hàng***

Công ty duy trì số tiền gửi tại ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**37.2 Rủi ro tín dụng (tiếp theo)**

Chỉ tiêu	Đơn vị tính: đ		
	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng cộng
<b>Tại ngày 01/01/2014</b>			
Các khoản vay và nợ	0	27.385.887.000	27.385.887.000
Phải trả người bán	1.833.033.765	0	1.833.033.765
Chi phí phải trả	88.283.919	0	88.283.919
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	17.219.669.146	0	17.219.669.146
<b>Cộng</b>	<b>19.140.986.830</b>	<b>27.385.887.000</b>	<b>46.526.873.830</b>
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>			
Các khoản vay và nợ	0	26.185.887.000	26.185.887.000
Phải trả người bán	1.027.192.290	0	1.027.192.290
Chi phí phải trả	103.366.219	0	103.366.219
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	18.539.656.639	0	18.539.656.639
<b>Cộng</b>	<b>19.670.215.148</b>	<b>26.185.887.000</b>	<b>45.856.102.148</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là cao. Công ty không có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn để thanh toán các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng. Đối với các khoản vay dưới 01 năm, Công ty không thể tiếp tục duy trì nguồn vốn này với các bên cho vay hiện tại.

**Tài sản đảm bảo**

Công ty sử dụng toàn bộ tài sản gắn liền với đất của dự án “Đầu tư xây dựng di chuyển, mở rộng cơ sở sản xuất vải dệt kim và may xuất khẩu” và một phần máy móc thiết bị làm tài sản thế chấp cho khoản vay dài hạn tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch I (xem thuyết minh số V.20).

**38. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính**

Chỉ tiêu	Đơn vị tính: đ					
	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	31/12/2014		01/01/2014		31/12/2014	01/01/2014
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng		
<b>Tài sản tài chính</b>						
- Tiền và các khoản tương đương tiền	302.769.961	0	391.117.755	0	302.769.961	391.117.755
- Phải thu khách hàng	2.843.030.749	(299.854.911)	2.647.299.327	(299.854.911)	2.543.175.838	2.347.444.416
- Phải thu khác	16.020.707.831	(6.734.474)	15.204.707.831	(6.734.474)	16.013.973.357	15.197.973.357
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>19.166.508.541</b>	<b>(306.589.385)</b>	<b>18.243.124.913</b>	<b>(306.589.385)</b>	<b>18.859.919.156</b>	<b>17.936.535.528</b>
<b>Nợ phải trả tài chính *</b>						
- Vay và nợ	26.185.887.000	0	27.385.887.000	0	26.185.887.000	27.385.887.000
- Phải trả người bán	1.027.192.290	0	1.833.033.765	0	1.027.192.290	1.833.033.765
- Chi phí phải trả	103.366.219	0	88.283.919	0	103.366.219	88.283.919
- Phải trả khác	18.539.656.639	0	17.219.669.146	0	18.539.656.639	17.219.669.146
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>45.856.102.148</b>	<b>0</b>	<b>46.526.873.830</b>	<b>0</b>	<b>45.856.102.148</b>	<b>46.526.873.830</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**38. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính (tiếp theo)**

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Ngoại trừ các khoản đề cập ở trên, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31/12/2014 và 01/01/2014. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc năm tài chính.

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

**48. Các khoản giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.**

- a) Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua cho thuê tài chính: không phát sinh.
- b) Mua và thanh lý công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác trong kỳ báo cáo: không phát sinh.
- c) Trình bày giá trị và lý do của các khoản tiền và tương đương tiền lớn do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng do có sự hạn chế của pháp luật hoặc các ràng buộc khác mà doanh nghiệp phải thực hiện: không phát sinh.

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính**

Không có sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm làm ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính năm 2014 mà chưa được trình bày trong Báo cáo này.

**3. Thông tin về các bên liên quan**

Lương, thưởng, thù lao của Ban Giám đốc trong năm 2014 là: 229.724.558 đồng.

**Công ty mẹ - Công ty TNHH MTV Haprosimex**

Công ty TNHH MTV Haprosimex chịu trách nhiệm quản lý vốn Nhà nước tại Công ty Cổ phần Haprosimex Thăng Long.

Địa chỉ: Số 22, phố Hàng Lược, phường Hàng Mã, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Trong năm tài chính 2014, giao dịch chủ yếu giữa Công ty và Công ty TNHH MTV Haprosimex là phải thu lãi phát sinh từ khoản giữ hộ tiền đền bù của 16 hộ dân.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**3. Thông tin về các bên liên quan (tiếp theo)**

Đơn vị tính: đ

Nội dung	Số dư tại ngày 01/01/2014	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Số dư tại ngày 31/12/2014
<b>Công ty TNHH MTV Haprosimex</b>				
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	19.045.260.000	0	0	19.045.260.000
Đại diện vốn Nhà nước	19.045.260.000	0	0	19.045.260.000
<b>Phải thu khác</b>	<b>12.939.619.728</b>	<b>816.000.000</b>	<b>0</b>	<b>13.755.619.728</b>
Gốc phải thu tiền đền bù giữ hộ	8.000.000.000	0	0	8.000.000.000
Phải thu lãi phát sinh	4.939.619.728	816.000.000	0	5.755.619.728

**4. Báo cáo bộ phận**

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Doanh thu chính của Công ty là gia công tẩy nhuộm. Công ty cũng không có chi nhánh nào nên không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

**5. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh được lấy từ Báo cáo tài chính năm tài chính 2013 của Công ty Cổ phần Haprosimex Thăng Long đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học thành phố Hồ Chí Minh (AISC).

**6. Tính hoạt động liên tục**

Không có dấu hiệu nào cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra không liên tục.

**7. Những thông tin khác**

**7.1 Thu nhập khác**

	Năm 2014 đ	Năm 2013 đ
Thu nhập từ hoạt động cho thuê nhà	3.395.781.334	3.374.985.291
Thu từ thanh lý nguyên vật liệu	0	118.181.819
Thu từ thanh lý tài sản	0	90.909.091
<b>Cộng</b>	<b>3.395.781.334</b>	<b>3.584.076.201</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN HAPROSIMEX THĂNG LONG**

Địa chỉ: Km 12 Đường 32 - Phúc Diễn - Bắc Từ Liêm - Hà Nội

Tel: 043.780 5043

Fax: 043.780 5045

**Mẫu số B09- DN**Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC  
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**7.2 Chi phí khác**

	Năm 2014	Năm 2013
	đ	đ
Khấu hao TSCĐ hữu hình của tài sản không cần dùng	0	200.042.200
Khấu hao TSCĐ hữu hình của tài sản cho thuê	173.396.584	173.396.584
Chi phí điện nước của hoạt động cho thuê nhà	283.963.153	229.274.470
Lãi chậm nộp BHXH	422.938	3.531.653
Chi phí khác	8.299.636	42.180.000
<b>Cộng</b>	<b>466.082.311</b>	<b>648.424.907</b>

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2015

Người lập biểu

Phụ trách kế toán



Kim Thị Huyền Trang



Phạm Quang Ngọc